

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 04 NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187,893,203,501	204,148,425,177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		154,470,970,498	144,159,013,233
Tiền	111		44,122,382,428	33,943,506,384
Các khoản tương đương tiền	112		110,348,588,070	110,215,506,849
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	10,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121			
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	10,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,446,727,639	8,650,980,811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		9,204,761,576	10,853,448,772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,387,533,200	30,000,000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		2,157,357,638	2,670,215,388
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6,302,924,775)	(4,902,683,349)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16,970,989,667	27,796,557,392
Hàng tồn kho	141		19,461,216,197	29,252,873,808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2,490,226,530)	(1,456,316,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,515,697	13,541,873,741
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		4,515,697	13,541,873,741
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133,254,256,125	128,456,517,333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43,646,273,930	58,999,011,273
Tài sản cố định hữu hình	221		43,362,940,597	58,659,011,273
<i>Nguyên giá</i>	222		97,766,785,336	119,813,303,767
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,403,844,739)	(61,154,292,494)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		283,333,333	340,000,000
<i>Nguyên giá</i>	228		340,000,000	340,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(56,666,667)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		61,557,809,669	42,291,884,185
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		144,253,178	457,474,841
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		61,413,556,491	41,834,409,344
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,238,996,822	354,446,171
Chi phí trả trước dài hạn	261		490,143,708	354,446,171
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		748,853,114	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		321,147,459,626	332,604,942,510
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20,637,218,352	29,852,252,569
I. Nợ ngắn hạn	310		20,637,218,352	29,852,252,569
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,320,230,406	2,348,150,876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,670,000,000	1,551,690,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		5,214,695,449	981,198,728
Phải trả người lao động	314		5,755,085,123	6,574,982,694
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,856,736,864	14,405,535,519
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,406,325,420	1,410,984,366
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	247,426,902
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		200,000,000	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2,214,145,090	2,332,283,484
Quỹ bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		300,510,241,274	302,752,689,941
I. Vốn chủ sở hữu	410		300,510,241,274	302,752,689,941
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		88,315,043,706	86,277,191,739
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,695,197,568	23,975,498,202
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,720,090,768	23,975,498,202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10,975,106,800	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		321,147,459,626	332,604,942,510

Thoa

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập biểu

Nhuong

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



Lê Văn Lợi
LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 20 tháng 01 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Quý 04 năm 2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18,852,459,125	15,244,293,018	83,401,333,327	63,873,191,649
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		18,852,459,125	15,244,293,018	83,401,333,327	63,873,191,649
Giá vốn hàng bán	11		20,287,990,308	16,543,712,309	84,904,213,560	64,228,561,382
Lợi nhuận gộp	20		(1,435,531,183)	(1,299,419,291)	(1,502,880,233)	(355,369,733)
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,006,173,100	1,702,284,571	6,024,993,020	12,076,986,563
Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		1,800,000	10,895,876	43,382,680	121,035,024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,782,409,633	2,279,292,582	9,115,650,418	7,862,544,045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(2,213,567,716)	(1,887,323,178)	(4,636,920,311)	3,738,037,761
Thu nhập khác	31		664,455,624	11,375,638,000	38,885,768,333	23,414,587,528
Chi phí khác	32		1,816,047,626	2,377,378,596	18,639,493,401	5,779,682,143
Lợi nhuận khác	40		(1,151,592,002)	8,998,259,404	20,246,274,932	17,634,905,385
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3,365,159,718)	7,110,936,226	15,609,354,621	21,372,943,146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,328,381,299	1,607,082,853	5,383,100,935	3,871,585,034
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(748,853,114)	-	(748,853,114)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4,944,687,903)	5,503,853,373	10,975,106,800	17,501,358,112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(257)	286	570	909
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(257)	286	570	909

Chúc

nhuật

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		15,609,354,621	21,372,943,146
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5,460,161,244	6,922,882,094
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		2,524,804,053	1,421,999,765
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32,466,297,810)	(29,848,318,570)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(8,871,977,892)	(130,493,565)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		231,511,746	14,618,636,226
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		10,014,226,761	2,829,673,755
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		2,395,368,805	159,126,206
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(135,697,537)	125,255,838
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,887,493,269)	(3,437,268,017)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,176,357,000)	(6,500,824,374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,430,418,386)	7,664,106,069
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(20,085,039,658)	(9,908,003,612)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		37,959,330,698	21,734,163,418
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,470,950,611	12,143,720,806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23,345,241,651	23,969,880,612
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,602,866,000)	(26,995,471,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,602,866,000)	(26,995,471,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		10,311,957,265	4,638,515,681
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		144,159,013,233	139,520,497,552
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		154,470,970,498	144,159,013,233


NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng


NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
THỐNG NHẤT
BÀ RI - T. BÀ RI

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 04 Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bà Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bà Non - Xã Bà Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	968.651.816		2.188.772.225
- Tiền gửi ngân hàng	43.153.730.612		31.754.734.159
- Các khoản tương đương tiền	110.348.588.070		110.215.506.849
Tổng cộng:	154.470.970.498		144.159.013.233

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Văn phòng công ty	710.822.764		710.822.764
NTCS Hòa Bình 2	3.730.479		3.730.479
XDCB NTCS Hòa Bình 2	2.000		2.000
NTCS Phong Phú	4.098.158		4.098.158
XDCB NTCS Phong Phú	308.724		308.724
Nhà máy CBMCS Bàu Non	249.689.691		249.689.691
Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	968.651.816	-	968.651.816
Tổng cộng:	710.822.764		710.822.764

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT TP. Vũng Tàu	32.301.683.329	56.393.066	32.358.076.395
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1.833.511.932		1.833.511.932
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	7.942.400.402		7.942.400.402
VietinBank - PGD Bà Rịa	1.019.741.883		1.019.741.883
Tổng cộng:	43.097.337.546	56.393.066	43.153.730.612

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	110.348.588.070		110.215.506.849
Tổng cộng:	110.348.588.070		110.215.506.849

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
b2) Dài hạn				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác)	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704		26.811.175.704	26.811.175.704		26.811.175.704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.172.463.786	10.797.410.482
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.219.180.000	4.219.180.000
Công ty TNHH Ngân Phong Phú	943.950	9.628.290
Nguyễn Thị Thu Hồng	92.148.840	
Công ty TNHH TM-DV Hai Sơn	187.360.595	484.314.875
Công ty Cổ phần Long Sơn	1.329.469.756	1.080.729.302
DNTN TM Tuyết Sơn		74.212.000
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	163.020.000	85.844.000
Công ty TNHH Thành Lợi	1.412.711.166	2.812.711.166
Các khách hàng là Đại lý bán cám	1.767.629.479	2.030.790.849
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	32.297.790	56.038.290
Châu Thị Hồng Điệp	32.297.790	56.038.290
Tổng cộng	9.204.761.576	10.853.448.772

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.365.300.000	30.000.000
Công ty CP TV ĐT XD Tổng Hợp tỉnh BRVT		30.000.000
Nguyễn Văn Cang	306.900.000	
Công ty CP Đất Đỏ	1.058.400.000	
Công ty TNHH TM XNK Hoàng Gia Phát	12.993.200	
Công ty TNHH DV XD Thành Huy	9.240.000	
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng	1.387.533.200	30.000.000

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.157.357.638	317.820.000	2.670.215.388	517.820.000
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	517.820.000	517.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảo hiểm người lao động	369.909.421		261.471.515	
Trợ cấp ốm đau, thai sản	843.911		8.223.209	
Lãi tiền gửi phải thu	658.000.000		596.500.000	
Phụ cấp HĐQT & Ban KS	298.500.000		274.500.000	
Thuế TNCN phải thu	249.064.978		86.318.083	
Tiền tạm ứng CB.CNV	42.300.000		141.139.933	
Tiền ký quỹ	155.000.000		485.000.000	
Phải thu khác	7.000.000		58.020.500	
Phải thu BHXH tỉnh BR-VT	58.919.328		241.222.148	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	2.157.357.638	317.820.000	2.670.215.388	517.820.000

6. Dự phòng phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.302.924.775	4.902.683.349
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.537.000.000	4.737.000.000
Trần Thị Nhiều	11.457.140	
Nguyễn Thị Ký	1.000.000	
Mai Công Bài	12.554.900	3.766.470
Nguyễn Thị Sáu	14.104.360	4.231.308
Dương Thị Yến	90.000.000	6.550.000
Lê Ngọc Tùng	126.364.340	
Dương Minh Chiến	52.379.160	
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	
Lê Thị Mùi	94.290.000	94.290.000
Lê Thị Trúc Lệ	60.215.235	18.214.571
Lê Văn Tụy	55.000.000	16.500.000
TT Khuyến Nông	8.320.000	2.496.000
Trại Gà Vũ Thị Hồng Loan	26.079.750	
Nguyễn Thanh Tự	65.500.000	
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	
Nguyễn Thị Hồng Phượng	264.776.700	
Lê Hữu Vinh	2.000.000	
Nguyễn Thanh Quang	43.450.000	19.635.000
Phạm Ngọc Dũng	24.366.740	
Ngô Văn Bu	502.712.200	
Dương Văn Lợi	255.000.750	
Nguyễn Thanh Hải	29.870.000	
Nguyễn Thái Hùng	17.000.000	
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng	6.302.924.775	4.902.683.349



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cộng				

8. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Cộng					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.067.897.179	345.502.664	1.752.328.701	468.271.397
- Công cụ, dụng cụ	682.475.406		639.438.773	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.340.000		-	
- Thành phẩm	17.479.673.612	2.144.723.866	26.858.876.334	988.045.019
- Hàng hoá	21.830.000		2.230.000	
Tổng cộng:	19.461.216.197	2.490.226.530	29.252.873.808	1.456.316.416

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	144.253.178	144.253.178	457.474.841	457.474.841
Vườn ươm giống tại NTCS HB2	144.253.178	144.253.178	457.474.841	457.474.841
b. Xây dựng cơ bản dở dang	61.413.556.491	61.413.556.491	41.834.409.344	41.834.409.344
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình 2	10.822.712.522	10.822.712.522	9.328.288.755	9.328.288.755
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	50.590.843.969	50.590.843.969	32.448.211.498	32.448.211.498
Chi phí xây dựng cơ bản khác			57.909.091	57.909.091
Tổng cộng:	61.557.809.669	61.557.809.669	42.291.884.185	42.291.884.185

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39.647.353.784	21.047.141.479	3.653.103.507	1.092.022.320	54.373.682.677	119.813.303.767
- Mua trong năm		438.892.510	67.000.001			505.892.511
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán		4.869.298.695			17.683.112.247	22.552.410.942
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	36.690.570.430	97.766.785.336
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.256.955.000	13.092.412.640	3.524.908.123	1.046.859.516	15.233.157.215	61.154.292.494
- Khấu hao trong năm	2.259.013.605	1.395.310.330	88.421.707	29.402.728	1.662.331.318	5.434.479.688
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán		2.711.930.395			9.472.997.048	12.184.927.443
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	11.390.398.784	7.954.728.839	128.195.384	45.162.804	39.140.525.462	58.659.011.273
- Tại ngày cuối kỳ	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Quyền phát hành</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
- Mua trong năm						-
- Thanh lý						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm				56,666,667		56,666,667
- Thanh lý						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	56,666,667	-	56,666,667
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	283,333,333	-	283,333,333

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	15.251.193.828	15.251.193.828	-
- Tiền thuê đất	-	4.909.547.411	4.909.547.411	-
- Chi phí khấu hao	-	2.567.811.544	2.567.811.544	-
- Chi phí bảo hiểm	-	2.499.163.733	2.499.163.733	-
- Chi phí khác	-	5.274.671.140	5.274.671.140	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	354.446.171	481.236.727	345.539.190	490.143.708
- Chi phí khác	354.446.171	481.236.727	345.539.190	490.143.708
Tổng cộng:	354.446.171	15.732.430.555	15.596.733.018	490.143.708

14. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.320.230.406	1.320.230.406	2.348.150.876	2.348.150.876
Công ty CP BVTV Sài Gòn			250.396.571	250.396.571
Nguyễn Thành Trung	31.740.000	31.740.000	31.740.000	31.740.000
Huỳnh Thị Thủy	107.680.000	107.680.000		
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh	51.000.000	51.000.000		
Công ty TNHH Tín Thành			191.275.000	191.275.000
Công ty TNHH Hiếu Nghĩa			80.000	80.000
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			245.295.000	245.295.000
Đền Cơ Huỳnh			1.600.000	1.600.000
Nguyễn Thị Nga	111.067.146	111.067.146	216.016.032	216.016.032
Nguyễn Thị Hạnh	139.028.571	139.028.571	156.870.350	156.870.350
Nguyễn Thị Tuyết	162.977.760	162.977.760	260.756.320	260.756.320
Phan Thị Thu Tuyết			172.384.674	172.384.674
DNTN Bá Phúc	52.350.919	52.350.919	73.350.919	73.350.919
Công ty TNHH Vạn Phúc	579.789.595	579.789.595	629.789.595	629.789.595
Công ty TNHH Thạch Bằng	86.026.750	86.026.750	120.026.750	120.026.750
Công ty TNHH TM SX Mỹ Nông	(1.430.335)	(1.430.335)	(1.430.335)	(1.430.335)
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-CV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty TNHH SX TM Long Hải Phát		919.090.000
Công ty CP Thắng Lợi - Bình Thuận	1.037.400.000	
TỔNG CỘNG:	1.670.000.000	1.551.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
a) Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	284.503.737	2.602.100.345	2.246.483.930	640.120.152
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	689.223.486	5.920.604.281	3.887.493.269	2.722.334.498
Thuế Tài nguyên	805.800	5.863.120	5.870.520	798.400
Tiền thuê đất	(13.541.873.741)	20.447.424.463	5.054.108.323	1.851.442.399
Thuế sử dụng đất phi NN		7.176.828	7.176.828	-
TỔNG CỘNG:	(12.567.340.718)	28.983.169.037	11.201.132.870	5.214.695.449
b) Phải thu				
Thuế Thu nhập cá nhân	6.665.705	385.221.383	396.402.785	4.515.697
Tổng cộng:	6.665.705	385.221.383	396.402.785	4.515.697

17. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền lương	5.755.085.123	6.574.982.694
Tổng cộng:	5.755.085.123	6.574.982.694

18. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.856.736.864	14.405.535.519
Tiền ăn giữa ca	107.100.500	143.689.000
- NTCS Phong Phú	27.690.000	35.516.000
- NTCS Hòa Bình	64.870.000	90.961.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	9.555.000	11.570.000
- Nhà máy CBM Phong Phú	4.985.500	5.642.000
Tiền thuê đất	-	14.206.846.519
Chi phí thuê xe	96.000.000	
Chi phí kiểm toán BCTC	50.000.000	55.000.000
Chi phí trích lập, đo vẽ bản đồ đất	1.603.636.364	
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	1.856.736.864	14.405.535.519

19. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.406.325.420	1.410.984.366
Kinh phí công đoàn	-	
Bảo hiểm	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Trong đó)	232.588.250	282.241.300
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>Cty TNHH XD Xuan Tho</i>	-	52.830.100
<i>Cty TNHH XD 30/4</i>	-	11.681.200
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	14.858.250	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.126.310.268	1.104.176.268
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	
Công ty CP Sông Đà 11.5	800.000.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	24.566.798
b) Dài hạn	-	-
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
Tổng Cộng:	2.406.325.420	1.410.984.366

20. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ tiền đầu tư NT Cà phê khi nhận bàn giao		247,426,902
Cộng		247,426,902

21. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý		200.000.000	-	200.000.000
Chi phí trợ cấp thôi việc		687.166.750	687.166.750	
Tổng cộng	-	887.166.750	687.166.750	200.000.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	2.122.381.888	1.539.122.230	1.972.000.000	1.689.504.118
- Quỹ phúc lợi	171.795.416	1.026.081.487	680.357.000	517.519.903
- Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	38.106.180	-	30.985.111	7.121.069
- Quỹ khen thưởng ban điều hành		184.400.000	184.400.000	-
Tổng cộng:	2.332.283.484	2.749.603.717	2.867.742.111	2.214.145.090

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	77.774.987.439	45.942.133.235	316.217.120.674
- Tăng vốn trong năm trước				-
- Lãi trong năm trước			18.550.447.479	18.550.447.479
- Tăng khác			286.495.470	286.495.470
- Giảm vốn trong năm trước				-
- Lỗ trong năm trước				-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

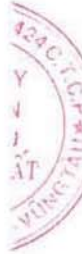
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		8.502.204.300	(8.502.204.300)	-
- Trích lập quỹ KT-PL			(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
- Chia cổ tức			(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(629.573.374)	(629.573.374)
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
- Tăng vốn trong năm nay			-	-
- Lãi trong năm nay			10.975.106.800	10.975.106.800
- Tăng khác				-
- Giảm vốn trong năm nay				-
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển		(527.351.750)		(527.351.750)
- Trích lập quỹ KT-PL			(2.565.203.717)	(2.565.203.717)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(100.000.000)	(100.000.000)
- Chia cổ tức			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	88.315.043.706	19.695.197.568	300.510.241.274

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ đông nhà nước (51%)	98,175,000,000	98,175,000,000
- Cổ đông khác (49%)	94,325,000,000	94,325,000,000
Cộng	192,500,000,000	192,500,000,000

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,250,000	19,250,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND*

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)	2,513.06	2,511.13
Nợ khó đòi đã xử lý		



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	46.731.127.500	45.707.221.000
Doanh thu bán thức ăn gia súc & nguyên liệu	82.921.429	2.669.461.013
Doanh thu bán điều nhân & gia công điều	35.278.542.598	13.852.816.500
Doanh thu gia công mũ cao su	1.308.741.800	1.640.829.500
Doanh thu khác		2.863.636
Tổng cộng:	83.401.333.327	63.873.191.649

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng:	0	0

3. Giá vốn hàng bán	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	47.838.407.044	44.927.494.428
Giá vốn bán thức ăn gia súc & nguyên liệu	163.145.892	3.390.833.794
Giá vốn bán điều nhân & gia công điều	34.640.538.495	12.639.595.325
Giá vốn chi phí gia công mũ	1.177.854.480	1.540.989.996
Giá vốn khác	50.357.535	273.331.423
Tổng cộng	83.870.303.446	62.772.244.966
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	1.033.910.114	1.456.316.416
Tổng cộng	84.904.213.560	64.228.561.382

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.024.993.020	7.585.651.302
Cổ tức, lợi nhuận được chia		4.491.335.261
Tổng cộng:	6.024.993.020	12.076.986.563



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng cộng:	0	0

6. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bốc xếp mù	43.382.680	26.358.000
Chi phí tiêu thụ điều nhân		76.884.030
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc		17.792.994
Tổng cộng:	43.382.680	121.035.024

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương Ban giám đốc	1.040.240.136	1.155.223.004
Chi phí tiền lương Văn phòng công ty	1.746.317.611	1.888.200.579
Chi phí tiền lương Dự phòng khen thưởng	988.392.000	1.175.200.000
Chi phí tiền lương thư ký HĐQT	36.000.000	36.000.000
Chi phí tiền lương Tổ thu hồi nợ	98.694.242	-
Kinh phí công đoàn	29.357.430	29.219.700
Chi phí bảo hiểm	326.757.873	342.272.509
Khấu hao tài sản cố định	265.394.566	238.569.455
Phân bổ chi phí trả trước	33.344.878	49.563.230
Chi phí trợ cấp mất việc làm	1.024.991.750	1.374.285.500
Thuế, phí và lệ phí	15.588.921	11.794.115
Chi phí thuê xe & kiểm toán	316.000.000	590.000.000
Chi phí khác bằng tiền	1.794.329.585	1.757.600.159
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.400.241.426	(34.316.651)
Hoàn chi phí tiền lương dự phòng năm 2013		(751.067.555)
Tổng cộng:	9.115.650.418	7.862.544.045

8. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	38.263.070.709	21.963.343.600
Thu từ bán tận thu phế phẩm mù	54.110.000	22.230.000
Thu từ phí phơi điều		211.194.440
Thu khác	568.587.624	1.217.819.488
Tổng cộng:	38.885.768.333	23.414.587.528

110042
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CAO SU
 THỐNG NHẤT
 BÀ RI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Chi phí khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý	10.712.243.510	4.191.245.836
Chi phí phơi điều		210.755.042
Chi phí khác	7.927.249.891	1.377.681.265
Tổng cộng:	18.639.493.401	5.779.682.143

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.609.354.621	21.372.943.146
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.859.285.993	716.505.906
- Các khoản điều chỉnh giảm		4.491.335.261
Tổng thu nhập chịu thuế	24.468.640.614	17.598.113.791
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính	5.383.100.935	3.871.585.034
Thuế thu nhập được miễn		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(748.853.114)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.634.247.821	3.871.585.034

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.975.106.800	17.501.358.112
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	10.975.106.800	17.501.358.112
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	570	909

12. Chi phí SXKD theo yếu tố	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.475.474.275	
- Chi phí nhân công	25.025.803.057	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.460.161.244	
- Chi phí khác	22.776.613.997	
Tổng cộng:	82.738.052.573	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong năm 2015.

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng
Hội đồng quản trị	05		184.400.000	300.334.000	484.734.000
Ban Kiểm soát	03			123.666.000	123.666.000
Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	03	1.142.636.351	51.000.000		1.193.636.351
Cộng		1.142.636.351	235.400.000	424.000.000	1.802.036.351

- Tiền thưởng HĐQT là tiền thưởng cho viên chức quản lý doanh nghiệp năm 2013 & 2014 theo Quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Tiền lương Ban Giám đốc, Kế toán trưởng là tiền lương quyết toán năm 2014 & tạm ứng tiền lương năm 2015.
- Tiền thưởng Ban Giám đốc, Kế toán trưởng là tiền thưởng theo đánh giá, xếp loại tại công ty năm 2014.

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (đồng)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn	
- Bán cây cao su gãy đổ		240.030.000
Công ty TNHH PBHC Bách Tùng	Giám đốc là HĐQT	
- Mua phân		450.120.000
Công ty TNHH Lê Danh	Giám đốc là vợ CT.HĐQT	
- Mua dầu, nhớt		1.099.900.000
Châu Thị Hồng Điệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD	
- Gia công mù		36.931.650
- Mua mù cao su		518.347.500
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	
- Thuê xe		216.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

⇒ Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Châu Thị Hồng Điệp	32.297.790	56.038.290

⇒ Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Văn Thoại	96.000.000	0

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1, Doanh thu thuần	48.122.790.729	35.278.542.598	83.401.333.327
2, Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
3, Khấu hao	5.128.328.634	331.832.610	5.460.161.244
4, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.971.350.518	638.004.103	15.609.354.621
5, Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	20.085.039.658		20.085.039.658
6, Tài sản bộ phận	317.719.142.317	3.428.317.309	321.147.459.626
7, Tài sản không phân bổ			-
Tổng Tài sản	317.719.142.317	3.428.317.309	321.147.459.626
8, Nợ phải trả bộ phận	19.902.700.893	734.517.459	20.637.218.352
9, Nợ phải trả không bộ phận			-
Tổng Nợ phải trả	19.902.700.893	734.517.459	20.637.218.352

Ghi chú:

- Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Thông tin so sánh:

Báo cáo tài chính kỳ hiện hành được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ tài chính. Theo đó, một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện hành, chi tiết như sau:

Khoản mục	Số liệu trên báo cáo năm/kỳ trước (31/12/2014)		Điều chỉnh phân loại lại (giảm)/tăng		Số liệu đầu năm/kỳ phân loại lại (01/01/2015)
	Mã số	VND	VND	Mã số	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Hàng tồn kho	141	29.710.348.649	(457.474.841)	141	29.252.873.808
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	230	41.834.409.344	457.474.841	241	42.291.884.185
Tài sản ngắn hạn khác	158	626.139.933	(626.139.933)	155	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.044.075.455	626.139.933	136	2.670.215.388
Vay và nợ ngắn hạn	311	247.426.902	(247.426.902)	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	1.410.984.366	247.426.902	319	1.658.411.268
Quỹ dự phòng tài chính	418	14.104.995.493	(14.104.995.493)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	71.123.106.879	14.104.995.493	418	85.228.102.372
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Thu nhập khác	31	10.879.616.028	(2.046.088.515)	31	8.833.527.513
Chi phí khác	32	2.304.175.636	(2.046.088.515)	32	258.087.121

Việc điều chỉnh hồi tố liên quan đến việc điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2014 là 1.049.089.367 VND như đã được đề cập tại mục 4.18 của thuyết minh này, việc điều chỉnh này làm thay đổi số liệu so sánh như sau :

Khoản mục	Số liệu đầu năm (sau khi phân loại lại)	Điều chỉnh hồi tố (giảm)/tăng	Số liệu sau điều chỉnh (01/01/2015)
	VND	VND	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.030.288.095	(1.049.089.367)	981.198.728
Quỹ đầu tư phát triển	85.228.102.372	1.049.089.367	86.277.191.739

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác: Căn cứ tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính " Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

quy mô lớn là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và Báo cáo tài chính tổng hợp”

Căn cứ quy định trên, Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế của công ty trong quý 04/2015 là (4.944.687.903) đồng:

- Nguyên nhân do:
 - Giá bán mũ cao su trong quý 04/2015 tiếp tục giảm so với quý 03/2015 làm cho giá bán thấp hơn giá thành sản xuất;
 - Tăng chi phí do trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi; trích lập chi phí phải trả ...

Bà Rịa, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Nhật Thành Lâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Mạnh Như

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Lợi

